

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2017/HSPT
Ngày: 20/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thành Tân

Ông Nguyễn Thành Đăng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Tô Thị Út – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 78/2017/HSPT ngày 28 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo A, B do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2017/HSST ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Vĩnh Long.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: A, sinh năm: 1995; trú tại: Ấp M, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông M và bà N; anh, chị, em ruột: 02 người (lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm: 2005).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: B, sinh năm 1993; trú tại: Ấp M, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông P và bà S; có vợ là chị E và 01 con sinh năm 2013; anh, chị, em ruột: 02 người (lớn nhất bị cáo, nhỏ nhất sinh năm: 1997).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, còn 01 bị cáo, 01 người bị hại, 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Y thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

A và D là sinh viên của Trường đại học Xây dựng Miền Tây, cùng ở chung phòng trọ số 35 khu A ký túc xá của nhà trường. Trong thời gian ở chung, biết D có một laptop nên A nảy sinh ý định trộm đem cầm lấy tiền tiêu xài. Ngày 18/12/2016 A về quê gặp B và C là bạn cùng quê, A gợi ý trong phòng trọ D có máy laptop nên khi nào cả phòng đi vắng A kêu B và C lên lấy trộm đem bán lấy tiền chia nhau xài thì B và C đồng ý.

Khoảng 19 giờ ngày 25/12/2016 A, D và những người bạn ở chung phòng đi ra ngoài chơi game, lúc này A điện thoại cho C báo cả phòng đi vắng hết nên kêu B và C đến lấy trộm. C mượn xe mô tô biển số 64T1-0350 của chị H chở B đi. Trên đường đi A nhắn tin cho B biết số phòng trọ và mật mã mở khóa phòng là “0735”. Khi đến cổng trường Đại học Xây dựng Miền Tây C đứng ở ngoài đợi còn B đi vào phòng 35 khu A ký túc xá của trường mở khóa vào phòng lấy trộm 01 laptop hiệu Dell I5, một ba lô có chữ Dell, 01 chuột vi tính, cục sạc điện thoại, 01 dây sạc hiệu Dell, 01 bàn phím máy tính, 01 áo sơ mi nam dài tay. Tất cả tài sản trên B để vào trong ba lô đi ra khóa cửa phòng rồi mang ra cổng chỗ C đang đợi lên xe C chở về T.

Ngày 26/12/2016 B và C đi uống cà phê gặp Lê Khắc Điệp nhờ Điệp đem máy đi cầm được 2.000.000 đồng chia mỗi người 650.000 đồng, A 700.000 đồng.

Sau khi mất tài sản D trình báo Cơ quan công an. Qua xác minh Công an thành phố Y mời A, B, C về làm việc thì cả ba thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội rồi đi chuộc máy laptop về giao nộp cho công an xử lý.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 06/HĐĐG&TTHS ngày 10/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Y xác định: 01 máy laptop hiệu Dell màu đen, chuột quang máy vi tính, ba lô, sạc điện thoại, bàn phím máy tính, áo sơ mi có tổng trị giá 6.400.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2017/HSST ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Y đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo A, B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 20, 33, 47, 53 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo A 04 (bốn) tháng tù.

Xử phạt bị cáo B 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của các bị cáo tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên xử phạt đối với bị cáo C, tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26 tháng 7 năm 2017 bị cáo A có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo, xin cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017, bị cáo B có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo, xin cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo A, B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm: Sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 20, 33, 47, 53 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo A 04 (Bốn) tháng tù, xử phạt bị cáo B 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của các bị cáo tính từ ngày bị bắt đi thi hành án. Các phần kháng không kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo A, B thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo như án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, người bị hại, vật chứng thu được, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 18/12/2016 bị cáo A về quê gặp bị cáo B và bị cáo C để gợi ý về việc trộm cắp tài sản của anh D để lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 19 giờ ngày 25/12/2016, lợi dụng những người chung phòng đi ra ngoài chơi game, bị cáo A đã điện thoại cho bị cáo C báo việc cả phòng đi vắng để bị cáo C và B lấy trộm tài sản của anh D và nhắn tin cho B biết số phòng trọ và mật mã mở khóa phòng là “0735”. Khi đến cổng trường Đại học Xây dựng Miền Tây bị cáo C đứng ngoài đợi còn bị cáo B vào phòng số 35 khu A ký túc xá của trường mở khóa vào phòng lấy trộm 01 laptop hiệu Dell I5, một ba lô có chữ Dell, 01 chuột vi tính, cục sạc điện thoại, 01 dây sạc hiệu Dell, 01 bàn phím máy tính, 01 áo sơ mi nam dài tay. Tất cả tài sản trên B để vào trong ba lô đi ra khóa cửa phòng rồi mang ra cổng chỗ C

đang đợi lên xe C chở về T. Tổng tài sản các bị cáo lấy trộm có giá trị là 6.400.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo A, B, C phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Các bị cáo tuổi đời còn trẻ, có đầy đủ sức khỏe, có thể tích cực lao động để tạo ra tài sản hợp pháp để nuôi sống bản thân và gia đình, nhưng các bị cáo đi trộm cắp tài sản của người khác để có tiền tiêu xài. Hành vi của các bị cáo đã xem thường pháp luật, xem thường tài sản của người khác. Vì vậy, đối với các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm để phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với bị cáo A: Bị cáo là sinh viên của một trường đại học, có đủ nhận thức hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo là người chủ động rủ rê bị cáo C, bị cáo B đi trộm cắp tài sản của anh D và bị cáo cũng là người chủ động nhấn tin số phòng và mật mã phòng để các bị cáo khác vào thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Xét mức án sơ thẩm xét xử là có xem xét hết các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với bị cáo, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên không có căn cứ xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Đối với bị cáo B: Bị cáo tuy không phải là chủ mưu trong vụ án, nhưng khi nghe bị cáo A rủ đi lấy trộm tài sản của người khác để lấy tiền tiêu xài cá nhân thì bị cáo đồng ý, thể hiện ý chí thống nhất của bị cáo với các bị cáo còn lại về việc trộm cắp tài sản. Sau khi nghe bị cáo A thông báo anh D đi ra ngoài và được bị cáo A nhấn tin số phòng, mật mã phòng thì bị cáo đã trực tiếp lén lút vào phòng và lấy trộm tài sản của anh D. Ngoài ra, bị cáo còn là người trực tiếp đem tài sản vừa trộm đi tiêu thụ. Xét thấy, mức án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra, đã có xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng cho bị cáo và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên không có căn cứ xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248, của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo A, B. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 48/2017/HSST ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Y.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 20, 33, 47, 53 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo A 04 (Bốn) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo B 03 (Ba) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của các bị cáo tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Về án phí: Các bị cáo A, B, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND TPVL: 01;
- VKSND + CA TPVL: 02;
- Chi cục THADS TPVL: 02;
- TG + BC: 03;
- Phòng hồ sơ CAVL: 01
- STP: 01;
- Bị hại: 01;
- Lưu VP: 01, lưu HS: 05.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kiều Duyên

